TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 25-01-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Tiến

Bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 122/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1, Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1987, tại xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn **C**, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân M và bà Lê Thị Thu H; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 02 tiền án; tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2009/HSST ngày 22 tháng 9 năm 2009 Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" (trị giá tài sản chiếm đoạt 7.833.000đồng) tháng 3 năm 2012 Đ nộp tiền án phí; tại bản án hình sự sơ thẩm số 57/2013/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2013 Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Đ 01 năm 03 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" (trị giá tài sản chiếm đoạt 12.000.000đồng), truy thu 5.000.000đồng; đến nay chưa chấp hành đối với số tiền truy thu; bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác "có mặt".

2, Nguyễn Văn H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1991, tại xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn **C**, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân M và bà Lê Thị Thu H1; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 03 tiền án; tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2008/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2008 Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt H 24 tháng tù về tội "Tàng trữ tiền giả" tháng 5 năm 2012 chấp hành xong bản án; tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2013/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2013 Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt H 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (trị giá tài sản chiếm đoạt 23.372.800đồng); tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2013/HSST ngày 06 tháng 8 năm 2013 Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt H 03 năm về tội "Trốn khỏi nơi giam", tổng hợp với 01 năm 11 tháng 24 ngày tù chưa chấp hành của Bản án 05/2013/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2013; buộc H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 11 tháng 24 ngày tù, ngày 28 tháng 5 năm 2018 chấp hành xong hình phạt; bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác "có mặt".

- *Bị hại:* Ông Phạm Hồng H2, sinh năm 1979

Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc "vắng mặt"

Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn **C**, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc "vắng mặt".

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn **C**, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc "vắng mặt".

Bà Ngô Thị C1, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong ngày 22 tháng 7 năm 2018 Nguyễn Xuân Đ và em trai ruột là Nguyễn Văn H cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 21 tháng 7 năm 2018 Nguyễn Văn H mượn xe mô tô biển kiểm soát 19K – 8404 của chị Nguyễn Thị Sâm đang thuê trọ tại gia đình H chở Nguyễn Xuân Đ đến thành phố Vĩnh Yên chơi. Đến 00 giờ 05 phút ngày 22 tháng 7 năm 2018 trên đường đi về thấy đống cốt pha của ông Phạm Hồng H2 để trước cửa nhà ông T ở thôn C, xã Q không có người trông coi nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp, Đ nói với H "đi lấy mấy tấm sắt bán lấy tiền tiêu". H đồng ý nói "Vâng". H ngồi trên xe mô tô còn Đ xuống bê được 6 tấm cốt pha xếp lên yên xe mô tô. Sau đó Đ đi bộ phía sau giữ, H điều khiển xe đi đến nhà Ngô Thị C ở thôn Vải, xã Q, huyện B. Đ gọi "Cô Cần ơi", Cần từ trong nhà đi ra cổng, Đ nói "Có mua sắt không", Cần nói "Có" rồi mở cổng để

Đ, H đẩy xe cốt pha vào sân, sau đó H đi ra cổng, Đ thống nhất với Cần giá 6.800đ/1kg. Sau khi cân 6 tấm cốt pha được 90kg, Cần trả cho Đ số tiền 600.000đồng. Toàn bộ số tiền Đ, H đã tiêu sài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22 tháng 7 năm 2018, trong khi đang ở nhà thì H nói với Đ "đi ra làm mấy tấm nữa" Đ hiểu H rủ đi trộm cắp tấm cốt pha nên nói "ừ". Sau đó Đ hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 19K – 8404 của chị S nói đi có việc. Chị S đồng ý, H điều khiển xe mô tô chở Đ đi thẳng từ nhà đến đống cốt pha trước cửa nhà ông T. Đ xuống xe bê được 10 tấm cốt pha để lên yên phía sau xe mô tô rồi H điều khiển xe Đ đi bộ phía sau giữ, đến nhà Ngô Thị C. Đ cân được 120kg. Cần trả cho Đ 750.000đồng, sau đó Đ đi ra cổng đưa 750.000đồng cho H cầm. Toàn bộ số tiền Đ và H đã tiêu sài hết. Sau khi mua cốt pha của Đ, H thì C đã bán cho một người đi thu mua sắt vụn không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu được 1.440.000 đồng, trong đó C được lãi 90.000 đồng.

Ngày 26 tháng 8 năm 2018 Ngô Thị C đã tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 90.000đồng là tiền lãi do C bán số cốt pha mua của Đ, H.

Ngày 26 tháng 8 năm 2018, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của chị Nguyễn Thị S 01 xe mô tô biểm kiểm soát 19K1 - 8404.

Tại kết luận định giá số 72/KL-ĐG ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên kết luận tổng trị giá của 16 tấm cốt pha là 1.455.930đồng.

Ngoài hành vi trộm cắp nêu trên Nguyễn Văn H còn trộm cắp tài sản tại gia đình ông Nguyễn Đức C, cụ thể: Khoảng 8 giờ ngày 20 tháng 10 năm 2018 H đang ở nhà thì nảy sinh ý định đến nhà ông C để trộm cắp tài sản. Sau đó H đi bộ đến nhà ông C, thấy cổng không khóa, H gọi không có ai trả lời nên đi vào sân, thấy cửa nhà không khóa, H đi vào phòng ngủ của ông C thấy chiếc tủ ba buồng bằng kim loại sơn giả màu gỗ, H mở cửa tủ lục lọi đồ tìm tài sản thấy ngăn dưới cùng có khóa, H dùng tay cạy bẻ cong cánh tủ vênh ra phía ngoài rồi thò tay vào trong ngăn tủ lấy 01 chiếc túi xách (kiểu ví của phụ nữ hay dùng) bên trong có tiền, H đếm được 17.000.000 đồng. H lấy toàn bộ số tiền trong túi sau đó để chiếc túi vào chỗ cũ đi ra phòng khách phát hiện trên bàn thờ có số tiền lẻ khoảng 100.000đồng, H lấy luôn số tiền này và đi ra khỏi nhà ông C. Toàn bộ số tiền trộm cắp được H đã tiêu sài cá nhân hết.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với 16 tấm cốt pha Cơ quan Điều tra Công an huyện Bình Xuyên không thu hồi được, ông Phạm Hồng H yêu cầu Đ, H phải bồi thường 4.000.000đồng. Ông Nguyễn Đức C yêu cầu H phải bồi thường số tiền 17.100.000 đồng. Đ, H đồng ý bồi thường, nhưng do chưa có tiền nên xin được bồi thường sau.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSBX ngày 27 tháng 12 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố Nguyễn Xuân Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tính chất nghiêm trọng của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 90.000đồng

Buộc Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Văn H bồi thường cho ông Phạm Hồng H số tiền 4.000.000đồng.

Buộc Nguyễn Văn H bồi thường cho ông Nguyễn Đức C số tiền 17.100.000 đồng.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng: Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày và xác nhận lời khai của các bị cáo là đúng. Nay bị hại ông Nguyễn Đức C yêu cầu bị cáo H phải bồi thường trả gia đình ông toàn bộ số tiền mà H đã trộm cắp là 17.100.000đồng; ông Phạm Hồng H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trả cho ông số tiền 4.000.000đồng tương đương với trị giá tài sản mà H, Đ đã trộm cắp; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên. Các bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 00 giờ 05 phút đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22 tháng 7 năm 2018, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Phạm Hồng H; Nguyễn Xuân Đ cùng em trai ruột là Nguyễn Văn H đã 02 lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp các tấm cốt pha của ông H đang để ở thôn C, xã Q, huyện B. Tổng giá trị tài sản của 02 lần trộm cắp là 1.455.930đồng. Ngoài ra khoảng 8 giờ 00 phút ngày 20 tháng 10 năm 2018, Nguyễn Văn H đã lợi dụng sơ hở lén lút vào nhà ông Nguyễn Đức C ở thôn C, xã Q, huyện B cạy tủ lấy trộm số tiền 17.100.000đồng. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra,

lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan …; kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Do Nguyễn Xuân Đ đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi trộm cắp 16 tấm cốt pha trị giá 1.455.930đồng của Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn H đã tái phạm chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Nội dung điều luật quy định: 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá ... dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:…

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:…

g) Tái phạm nguy hiểm".

[2] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người khác đã lén lút trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bản thân đều đã có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mình, bất chấp quy định của pháp luật lén lút trộm cắp tài sản nhiều lần để bán lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Đối với hành vi trộm cắp các tấm cốt pha của ông H thì Nguyễn Xuân Đ là người giữ vai trò chính, Đ là người khởi sướng, rủ rê Nguyễn Văn H thực hiện hành vi phạm tội. H khi bị rủ rê, lôi kéo đã không ngăn chặn mà còn đồng tình và trực tiếp cùng Đ đi trộm cắp tài sản. Nhưng sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ về hành vi các bị cáo đã thực hiện như mức hình phạt vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Hồng H yêu cầu Đ, H phải bồi thường số tiền 4.000.000đồng; ông Nguyễn Đức C yêu cầu H phải bồi thường số tiền 17.100.000đồng. Tại phiên tòa Đ, H đồng ý bồi thường trả ông Hưng số tiền 4.000.000đồng; H đồng ý bồi thường trả ông C số tiền 17.100.000đồng nhưng do chưa có tiền nên xin được bồi thường sau. Xét thấy, yêu cầu của ông H và ông C là phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc các bị cáo phải bồi thường cho ông H số tiền 4.000.000đồng; kỷ phần mỗi bị cáo 2.000.000đồng. Buộc H phải bồi thường trả ông C số tiền 17.100.000đồng.

[5] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Đối với số tiền 90.000đồng thu giữ của bà Ngô Thị C, quá trình điều tra xác định là tiền thu lời bất chính nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19K1 – 8404 của chị Nguyễn Thị S, quá trình điều tra xác định khi cho Đ mượn xe chị Sâm không biết Đ, H dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho chị S, nhận lại tài sản chị S không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với Ngô Thị C là người mua 16 tấm cốt pha của Đ và H nhưng không biết đó là tài sản do Đ, H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với C là phù hợp.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Phạm Hồng H với tổng số tiền 4.000.000đồng. Kỷ phần của mỗi bị cáo cụ thể như sau: Bị cáo Đ phải bồi thường cho ông H số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng); bị cáo H phải phải bồi thường cho ông H số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải phải bồi thường cho ông Nguyễn Đức C số tiền 17.100.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Đức C và ông Phạm Hồng H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Đ và bị cáo H không thanh toán trả ông C, ông H khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 90.000đồng (Chín mươi nghìn đồng) (Như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Bình Xuyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên lập ngày 28 tháng 12 năm 2018).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 955.000đồng (Chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT - CA huyện Bình Xuyên;
- CQCSTHAHS-CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phùng Thị Tố Uyên